

LUẬN VỀ KHOA BẢNG

Trần Xuân Thời



“Sơn hạ hồng trần Nam Thoán lộ

Bất tri quan đái kỷ nhân hồi”

Dưới núi, bụi hồng, đường Nam Thoán, không biết có bao nhiêu người lãnh áo mao cân đai trở về.

Hai câu thơ này thể hiện sự cam go của sĩ tử phấn đấu, thi thố tài năng qua trường thi trận bút hầu mong đỗ đạt để được tiến cử ra làm quan từ thời nhà Hán, cách đây gần hai ngàn năm về trước. Dầu trong bất cứ hoàn cảnh nào, thời đại nào vẫn có vấn đề “Học tài thi phận”. Thế nên, mặc dầu vào thời nhà Hán một số người Việt khoa bảng như Lý Tiến, Lý Cầm, Trương Trọng đã đỗ đạt vinh quy bái tổ và được Hán triều bổ nhiệm ra làm quan, mãi đến đầu thế kỷ thứ 20, Tú Xương than thở vì thi mãi vẫn chưa hết phạm trường quy:

“Đau quá đòn hần

Rát hơn lửa bỏng

Hở bút hở nghiên

Hở lều hở chõng”

Thi hồng liên tiếp, Tú Xương quả đã thất vọng

”Phen này tờ hồng tờ đi ngay

Cúng giỗ từ đây nhớ tới ngày

Học đã sôi cơm nhưng chưa chín

Thi không ngậm ớt thế mà cay!”

Cụ Nguyễn Công Trứ cũng đã trải qua những âu lo khắc khoải của cuộc đời khoa hoạn, mãi đến tứ tuần mới đỗ Cử Nhân và được tiến cử ra làm quan. Đối với Nguyễn Tiên sinh đỗ đạt ví như: “Bẻ cành đơn quế cho rồi liền tay” chẳng những đỗ khôi:

“Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ

Nay thét mai gầm rất cổ cha.”

mà còn đạt đến ước nguyện (self actualization) của cuộc đời. Đắc chí, hay đạt được lý tưởng vì được liệt vào hàng “Kẻ sĩ”

”Trước hữu ngũ Sĩ cư kỳ liệt

Dân hữu tứ Sĩ vi chỉ tiên

Có giang sơn thì Sĩ đã có tên

Từ Chu, Hán vốn Sĩ này là quý”

Với danh tước Nho Sĩ, thì tiến vi quan thối vi sự. Trước hết, phải tích cực tiến theo tác bóng của mặt trời, “Nhật tân chỉ vị thịnh đức” mỗi ngày một mới và mỗi ngày một thêm mới mới là đức thịnh. Đem lời hay ý đẹp phụng sự xã hội lúc chưa gặp thời:

“Lúc vị ngộ hồi tàng nơi bồng tất

Hiêu hiêu nhiên điều Vị canh Sảng

Xe bỏ luân dầu chứa gập Thang, Vãn

Phù thế giáo một vài câu thanh nghị. ”

Và khi gặp thời thì:

”Rồng mây khi gặp hội ưa duyên

Đem tất cả sở tồn làm sở dụng

Trong lãng miếu ra tài lương đống

Ngoài biên thùi rạch mũi can tương

Làm cho bách thế lưu phương

Trước là Sĩ sau là Khanh, Tướng.”

Sau khi đem tài kinh bang, tế thế để giúp nước trị dân, kẻ sĩ mới được thung dung thụ hưởng cảnh an nhàn:

“Nhà nước yên Sĩ mới được thung dung

Bấy giờ Sĩ mới tìm ông Hoàng Thạch

Năm ba chú tiểu đồng lách thếch .

Tiêu dao nơi hàn cốc thanh sơn

Nào thơ nào rượu nào dịch nào dờn

Đồ thích chí chất đầy mọi túi

Mặc ai hỏi mặc ai không hỏi đến

Ngắm việc đời mà ngắm kẻ trọc thân

Này này Sĩ mới hoàn danh.”

Tuy vậy, cũng có nhiều vị khoa bảng chỉ chuyên nghề dạy học và không màng danh lợi như Cụ Chu Văn An, có thể vì:

”Gót danh lợi bùn pha sắc xám

Mặt phong trần nắng râm mùi dâu.

Nghĩ thân phù thế mà đau

Bọt trong bể khổ, bèu đầu bến mê !

Cũng có thể vì không muốn dẫn thân vào vòng tục lụy xích xiềng để rồi phải ân hận:

“Về đi sao chẳng về đi,
Ruộng hoang vườn rộng còn chi không về
Đem thân để hình bia sai khiến,
Còn ngậm ngùi than vãn với ai.”



Vấn đề thi thố tài năng qua trường thi trận bút đã bắt đầu từ thế kỷ thứ 11, đời nhà Lý. Vua Lý Nhân Tông đã mở khoa thi đầu tiên vào năm 1075 để chọn Minh Tinh Bác Học, ra giúp nước trị dân. Năm 1195 lại mở khoa thi Tam Giáo, khảo sát kiến thức về triết học Nho Giáo, Phật Giáo và Lão Giáo.

Qua đời nhà Trần, chế độ thi cử được cải tiến quy cũ hơn. Vua Trần Thái Tông mở khoa thi Thái Học Sinh năm 1232. Năm 1247, nhà Trần đặt ra Tam Khôi: Trạng Nguyên, Bảng Nhãn và Thám Hoa. Vua Trần Duệ Tông mở kỳ thi lấy Tiến Sĩ thay thế Thái Học Sinh và danh từ tiến sĩ được thông dụng từ thời nhà Trần.

Các khoa thi cứ 7 năm thi một kỳ. Đến đời nhà Hồ đổi thành 3 năm, nhưng mãi đến đời vua Lê Thánh Tông (1463) lệ thi 3 năm một lần mới được thông dụng. Các kỳ thi để tuyển dụng nhân tài được tổ chức cho đến thời mặt diệp nhà Nguyễn với kỳ thi cuối cùng năm Mậu Ngọ 1918.

Về nội dung các khoa thi, tuy có gia giảm tùy thời đại, nhưng đại để các khoa thi chia thành 4 phần chính:

- Trường Nhất: Thi Kinh – Nghĩa: Luận về ý nghĩa của kinh truyện, còn gọi là tinh nghĩa, hiểu rõ ý nghĩa của triết lý thánh hiền.
- Trường Nhì: Thi thơ, phú theo quy luật và đề tài do ban giám khảo định.
- Trường Ba: Thi Chiếu, Chế, Biểu: Soạn thảo các loại công văn dùng trong triều đình. Chiếu là lệnh của Vua, như sắc lệnh của Quốc Trưởng. Chế là lệnh ân thưởng, phạt cho quân thần và Biểu là Sớ dâng lên nhà Vua để tán tụng hoặc xin thỉnh nguyện, một hình thức kiến nghị.
- Trường Tư: Thi Văn sách: Thi Văn sách nhằm trắc nghiệm óc suy luận và kiến thức về một đề án.

Đã gọi là học tài thi phận, sĩ tử ngoài việc thuộc lòng kinh sử, còn phải có biệt tài viết văn hay và chữ thật đẹp mới có nhiều hy vọng đắc cử. Nếu không thì dù có thi cả chục lần, cũng chưa chắc đạt được bằng vàng, bia đá.

Cụ Nguyễn Khuyến đã đỗ đầu 3 kỳ thi Hương, thi Hội và thi Đình được lòng danh là Tam Nguyên Yên Đổ, thật là một nhân tài.

Tú xương đã thể hiện được tâm trạng của người thi hỏng:

“Một đàn thẳng hỏng đứng mà trông

Nó đỗ khoa này có sướng không?

Trên ghé bà đầm nhoi dít vệt

Dưới sân ông cứ ngổng đầu rồng.”

Đọc lại một số bài Kinh Nghĩa, Thơ, Phú, Văn sách còn truyền lại với cách hành văn và ý nghĩa thật khúc triết mới thấy, dù là văn chương trích cú, chế độ thi cử thật là khó khăn, đúng là: “Thi không ăn ớt thế mà cay.”

Về định chế giáo dục, Việt Nam đã thành lập Đại Học, từ thế kỷ thứ 11. Văn Miếu đã được lập từ năm 1070 để thờ Đức Khổng Tử và làm cơ sở diễn giảng triết lý thánh hiền. Vua Lý Nhân Tông lập Quốc Tử Giám năm 1076. Vào đời nhà Trần, Quốc Học Viện được thành lập để diễn giảng Tứ Thư và Ngũ Kinh. Các định chế giáo dục này, tồn tại cho đến thế kỷ thứ 20. Ngày nay trong thành nội Huế, Quốc Tử giám vẫn là nơi trang nghiêm biểu tượng cho nền quốc học.

Việt Nam đã thành lập Đại Học từ năm 1070 và cấp bằng Tiến Sĩ từ năm 1075, đó là niềm hãnh diện cho nền Văn Minh Việt Nam khi đề cập đến nền học chế của nước nhà.

Dưới thời Pháp thuộc, vào cuối thế kỷ thứ 19, và đầu thế kỷ 20, một số cơ sở giáo dục phổ thông danh tiếng được thành lập như Trường Quốc Học Huế mở năm 1896, Trường Taberd ở Sài Gòn mở năm 1890, Trường Puginier ở Hà Nội mở năm 1894 và Trường Pellerin Huế mở năm 1904.

Các trường Bảo Hộ/ Bưởi/ Chu Văn An thành lập năm 1908, Trường Đồng Khánh Hà nội, 1917, sau đổi thành Trường Trưng Vương năm 1948.

Trường Petrus Ký thành lập năm 1925 và Trường Gia Long, thành lập năm 1913 tại Saigon.

Trường Đại Học Hậu Bô, sau đổi thành Đại Học Uyên Bác (School of Law and Administration), được thành lập để đào tạo các cấp cai trị Tri Huyện, Tri Phủ, Thượng Thư... cho Triều đình Huế. Hậu thân của Đại Học Uyên Bác là Học Viện Quốc Gia Hành Chánh được tái lập năm 1955 dưới sự bảo trợ của Đại học Michigan State University của Hoa Kỳ.

Viện Đại học Đông Dương được thành lập năm 1906 tại Hà Nội và mở chi nhánh tại Saigon . Sau thế chiến thứ hai, Viện ĐH Đông Dương được đổi

tên thành Viên Đại học Hà Nội. Viện Đại Học Hà-Nội được di chuyển vào Saigon, năm 1954, hợp với chi nhánh sẵn có, để thành lập Viện Đại Học Quốc Gia Việt Nam. Năm 1957, chính phủ Việt Nam Cộng Hoà thành lập Viện Đại học Saigon và Viện Đại học Huế, rồi Viện Đại học Đà Lạt gồm các phân khoa chính yếu như Khoa học, Luật khoa, Văn khoa, Sư phạm, Kiến trúc, Dược khoa, Nha khoa.... Sau đó, nhiều đại học công và tư được thành lập trong thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hoà tại Thủ Đô Saigon và nhiều tỉnh của Miền Nam Việt Nam. Đến năm 1975, Miền Nam có khoảng trên 100,000 sinh viên đang theo học tại các đại học Miền Nam Việt Nam. Tại Mỹ, mãi đến thế kỷ thứ 17 mới thành lập Đại Học. Đại Học Harvard được lập vào năm 1638. Viện Trưởng Increase Matter, không được Đại Học Anh cấp bằng Tiến Sĩ. Hội đồng khoa Đại Học Harvard quyết định cấp bằng Tiến Sĩ cho ông Matter để ông có đủ thẩm quyền cấp bằng cho ban giảng huấn và sinh viên tốt nghiệp. Hơn 300 năm sau Đại Học Harvard mới được công nhận vào quy chế Đại Học chung do Khu giáo dục công nhận (Accreditation) vào năm 1949.

Nền giáo dục ở Mỹ, mỗi Đại Học có quy chế riêng và tự trị, mặc dù đa số các Đại Học phải theo các tiêu chuẩn về tài chánh, giảng huấn, cơ sở và học liệu do 1 trong 6 khu định chuẩn công nhận. Các Hội đồng này do tư nhân thành lập và quản trị. Một số đại học do Tiểu bang cấp giấy phép và không màng liên hệ đến các Hội đồng này. Hiện nay có trên 2000 Đại Học tại Mỹ, là một quốc gia cung cấp nhiều khoa bằng nhất thế giới. Theo tài liệu của US Dept, of Labor thì chỉ trong niên khóa 1985-86:

- 1,300,000 SV được cấp bằng cử nhân (BA, BS..)
- 288,000 SV được cấp bằng Cao Học (MA, MS..)
- 32,000 SV được cấp bằng Tiến Sĩ (Ph.D, Ed.D..)

chưa kể đến các văn bằng Trung cấp như Associate Degrees (AA,AS..) cán sự học 2 năm hoặc các chứng chỉ (Certificate học dưới 2 năm như Chứng chỉ về thương mại, phụ tá luật lệ, kỹ thuật v.v...)

Danh từ BA (Bachelor of Art) được hiểu như là một “Bồ chữ” (A batch of knowledge) như Cao Bá Quát nói trong nhân gian có 4 “Bồ chữ”, ông ta và bạn bè chiếm hết 3 bồ, còn lại một bồ cho thiên hạ!

Ngày trước, danh từ Bachelor chỉ dùng cho đàn ông, còn đàn bà không được dùng vì không “xứng đáng”! Đàn bà đồ Cử Nhân chỉ được gọi là Mistress of Art hoặc Maid of Science. Dù bị kỳ thị nhưng vẫn còn khá hơn ở Trung Hoa và Việt Nam, theo quan niệm cổ thì nữ giới “chỉ lo việc trong nhà, khi vào canh cử khi ra thêu thùa. Trai thì đọc sách ngâm thơ, dùi mài kinh sử để chờ kịp khoa, mai sau nổi được nghiệp nhà, trước là tỏ mặt sau

là âm thân” Mạnh Lệ Quân phải giả trai mới được dự thi và được bổ nhiệm ra làm quan.

Ngày trước đỗ Cử Nhân(BA, BS...) là thành công trên đường học vấn và thành danh được liệt vào hàng “kẻ sĩ”. Sĩ rồi mới đến Nông, Công, Thương và được tiến cử vào hàng Công Hầu Khanh Tướng. Ngày nay, với cấp bằng Cử nhân cũng đủ sống với đời về cả “Danh” cũng như “Phận”.

Có thể nói rằng hấp thụ kiến thức cần thiết là trình độ học vấn ở bậc Cử Nhân. Nghiên cứu thêm để tinh luyện suy luận ở bậc Cao Học và phát triển sáng tạo ở bậc Tiến Sĩ.

Cao học thường học lại các môn đã học ở cử Nhân, tùy ngành, và nghiên cứu thêm về thực trạng của một vấn đề. Tiến Sĩ cũng thường nghiên cứu lại những môn đã học, thêm phần suy diễn, đặt giả thuyết (hypotheses) và tìm cách chứng minh bằng thực nghiệm (test) hoặc áp dụng kiến thức nghiên cứu sự liên hệ nhân quả giữa các hiện tượng chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học....

Việt Nam trước năm 1975, các văn bằng đại học thường được cấp chuyên ngành học từ cấp cử nhân, cao học đến tiến sĩ phỏng theo hệ thống giáo dục từ thời Pháp thuộc.

Tại Mỹ đa số ngành chuyên môn cũng vậy. Tuy nhiên ở VN các ngành kể cả các ngành như Luật khoa, Y khoa thì sinh viên có bằng Tú Tài II có thể ghi danh theo học, nhưng tại Mỹ, các trường luật, y khoa chỉ nhận các sinh viên đã có văn bằng cử nhân trở lên mới được xin nhập học... Sinh viên tốt nghiệp bậc Cử nhân các ngành kỹ thuật, khoa học, kinh tế, nhân văn,... đều có thể nộp đơn xin vào ban Cao học Kinh doanh, Tiến sĩ luật khoa, Tiến sĩ y khoa ...sau khi trải qua một kỳ thi Admission Test, thường với số điểm trên 500 và các điều kiện khác mới được cứu xét....

Chung quy mục đích của giáo dục là phát triển kiến thức và tinh luyện suy luận. Về luân lý, nhằm đào tạo con người trở nên cao thượng hơn vì giáo dục mà thiếu lương tâm chỉ làm thêm bại hoại tâm hồn “Science sans conscience n'est que ruine de l'âme”.

Do đó mà Nguyễn Công Trứ đã đặt sứ mệnh của Kẻ Sĩ rất rõ rệt: “Trong lãng miếu ra tài lương đồng, ngoài biên thùỵ rạch mũi can tương” để phụng sự quốc gia dân tộc.

Sự thành công ở đời, phần thì do khoa bảng phần khác do kinh nghiệm. Học và Hành đều nhằm mục đích tinh luyện kỹ năng (skill). Thế thì nếu mình thành công trong một ngành chuyên môn nào đó, do kinh nghiệm hoặc do các phương thức khác, sự thành công này không thua gì khoa bảng.

Các nước tân tiến, ngoài ngành văn, ngành võ cũng được phát triển. Trường West Point của Hoa Kỳ huấn luyện sinh viên cả văn lẫn võ. Sau khi xuất ngũ, cựu sinh viên West Point thường được trọng dụng trong ngành kinh doanh và các sĩ quan cấp tướng phải có bằng Cao học. Tại Việt Nam, tuy khoa bảng thường nói đến văn tài, nhưng võ lược dưới thời quân chủ cũng có văn bằng Võ Cử Nhân. Các quân trường sĩ quan huấn luyện quân sự 1 hoặc 2 năm, tương đương với bằng Trung Cấp (AA hay Associate degree in Military Sciences) hay 4 năm tương đương với Cử Nhân Khoa Quân Sự. Tại Trung Hoa ngoài Cử Nhân Võ còn có Võ Trạng Nguyên.

Không phải khoa bảng nào cũng thành công, ngoài kiến thức, kinh nghiệm thu nhận được, mỗi người còn có biệt tài thiên phú, hoặc do khả năng tự đào luyện thành người hữu dụng. Khi quân Minh xâm lăng Việt Nam, vua quan trốn chạy. Lê Lợi người dân áo vải đất Lam Sơn đã dựng cờ khởi nghĩa, quy tụ quần hùng 10 năm (1418-1428) ném mật năm gai, đã cứu giang sơn ra khỏi nơi đẫm máu, lập nên triều đại Hậu Lê.

Bên phương trời Tây có triết gia Socrate, được mệnh danh là sư tổ của nền triết học Tây phương. Ông nổi tiếng là người giỏi nhất vì đi đâu ông cũng nói "Điều tôi biết rõ là tôi không biết gì cả – As for me, all I know is that I know nothing". Thế là ông được mọi người đua nhau giải thích cho ông những gì họ biết. Học như vậy, khỏi mất tiền mà được nhiều người thương là hiểu học !

Trái lại triết gia Khổng Tử ở phương trời Đông nổi tiếng vì đã chu du lục quốc để thuyết minh về đạo lý làm người, tu, tề, trị, bình Đức Khổng Tử (551-479 BC và Socrate (470-399 BC) có điểm tương đồng là chủ trương cái gì biết thì cho là biết, cái gì không biết thì nói là không biết, chú trọng vào vấn đề công lý, đạo đức, nhân cách làm người... và cũng gần có chung một quan niệm "Thuận Trời thì sống, chống Trời thì chết"!

Socrate chủ trương muốn sống xứng đáng phải biết luôn tự xét mình vì "The unexamined life is not worth living for a human being" và "I do not fancy I know what I do not know".

Ảnh hưởng của hai nhà hiền triết này thật sâu rộng nhất là về thái độ làm người. Người Tây phương nghe nhiều hơn nói và thích nghe để học hỏi. Người Đông phương thích làm thầy, nói nhiều hơn nghe !?

Trường đời là Đại Học hữu hiệu nhất tôi luyện con người làm nên sự nghiệp. Hiện nay, có trên 300 ngành học khác nhau và xã hội tân tiến như Hoa Kỳ có trên 2000 nghề chuyên môn.

Người Mỹ quan niệm "thầy" của ngành này là "học trò" của ngành khác, nên khi gặp vấn đề không thuộc ngành chuyên môn của mình, thường trả lời "I don't know". Phần khác vì tinh thần trách nhiệm, người Mỹ không

”advise” người khác về những vấn nạn không thuộc ngành chuyên môn của mình. Còn người Việt, ít khi nghe nói ” I don’t know” ...!

Nhân viên các cấp, các ngành trong công ty, công sở đều phải học hỏi trong thời gian làm việc để thăng tiến nghề nghiệp, để đủ điều kiện hành nghề theo luật định, nên vấn đề tu nghiệp rất quan trọng để cập nhật kiến thức.

Thường các bậc phụ huynh khuyên con cháu lo học hành vì hiểu rõ tầm mức quan trọng của sự học trong đời sống. Ngày trước ở Việt Nam đỗ Tú Tài như Tú Xương không có cơ hội thăng tiến. Ngày nay tại các quốc gia tân tiến mà chúng ta đang cư ngụ, mọi ngành hoạt động đều cần chuyên viên có kỹ năng tinh luyện, được chứng minh bằng kiến thức và kinh nghiệm. Nếu không có nghề chuyên môn, cạnh tranh với đời thật là vất vả. Đa số những người có kiến thức và kinh nghiệm ở Việt Nam, sau ngày di tản, tuổi tác đã chông chát, lại phải lo gánh nặng gia đình, còn đâu thì giờ để theo lũ em học hành như xưa.

Vì vậy, các bậc tiền bối chỉ trông nhờ vào lớp hậu sinh, con cháu chuyên tâm nghiên bút, chẳng những để thỏa mãn nhu cầu hiểu biết, vinh thân, phì gia, mà còn làm:

“Nở nang mày mặt, rỡ ràng mẹ cha

Trên vì nước, dưới vì nhà

Một là đắc Hiếu, hai là đắc Trung.”

Hiếu thảo với mẹ cha, đem tài năng phục vụ nhân quần xã hội là niềm mong ước chung của các bậc phụ huynh vậy.

Trần Xuân Thời

Nguồn: <https://tiengquehuong.wordpress.com/2015/07/30/khoa-bang/>

www.vietnamvanhien.net

